

**CARIYĀPIṬAKA PĀḲI**

**&**

**HẠNH TẶNG**

## 12. Sutasomacariyaṃ

345. Punāparaṃ yadā homi sutasomo mahīpatī  
gahito porisādena brāhmaṇe saṅgaram<sup>1</sup> sariṃ.
346. Khattiyānaṃ ekasataṃ āvuṇitvā karatale<sup>2</sup>  
ete sampamilāpetvā yaññatthe upanayī<sup>3</sup> mamaṃ.
347. Apucchi<sup>4</sup> maṃ porisādo kintvaṃ icchasi nissajaṃ.<sup>5</sup>  
yathāmati te kāhāmi yadi me tvam punehisi.
348. Tassa paṭissuṇitvāna<sup>6</sup> paṇhe āgamaṇaṃ mama  
upāgantvā puraṃ rammaṃ rajjaṃ nīyādayiṃ tadā.
349. Anussaritvā saddhammaṃ<sup>7</sup> pubbakaṃ jinasevitaṃ  
brāhmaṇassa dhanaṃ datvā porisādaṃ upāgamiṃ.
350. Natthi me saṃsayo tattha ghātayissati<sup>8</sup> vā na vā  
saccavācānurakkhanto jīvitaṃ cajitumupāgamiṃ  
saccena me samo natthi esā me sacca pāramitī.

Sutasomacariyaṃ dvādasamaṃ.

Saccapāramitā niṭṭhitā.

--ooOoo--

---

1. sakhakāraṃ - Nā, katthaci.  
2. karaṃtale - katthaci;  
karattale - Machasaṃ.  
3. upanāmayī - katthaci.  
4. āpucchiṃ - Sīmu.

5. nissajjaṃ - Machasaṃ.  
6. paṭissuṇitvā - Machasaṃ.  
7. sataṃ dhammaṃ - Machasaṃ,  
Nā - katthaci.  
8. ghātayissāmi - Nā.

## 12. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Sutasoma:<sup>1</sup>

345. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là đức vua Sutasoma. Bị bắt giữ bởi Porisāda (kẻ ăn thịt người), ta đã nhớ lại lời hứa với vị Bà-la-môn.

346. Sau khi xỏ dây ở lòng bàn tay của một trăm vị Sát-đế-ly rồi (treo lên) phơi khô họ, kẻ ấy đã đưa ta đi nhằm mục đích tế thần.

347. Kẻ ăn thịt người đã hỏi ta rằng: “*Có phải ngài mong muốn việc cõi trời? Ta sẽ làm theo ý thích của ngài nếu ngài còn quay trở lại.*”

348. Vào lúc ấy, sau khi đã hứa hẹn đối với câu hỏi của kẻ (ăn thịt người) ấy về việc trở lại của ta, ta đã đi đến thành phố tráng lệ và đã chối từ vương quốc.

349. Sau khi tưởng nhớ đến Chánh Pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ, ta đã trao lại tài sản cho vị Bà-la-môn và đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người.

350. Trong trường hợp ấy, không có sự phân vân ở ta về việc kẻ ấy sẽ giết hay không (giết). Trong khi bảo vệ lời nói chân thật, ta đã đi đến để buông bỏ mạng sống. Không có ai bằng (ta) về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của ta.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Sutasoma là phần thứ mười hai.

Dứt sự toàn hảo về chân thật.

--ooOoo--

---

1. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 537.

## VI. METTĀ PĀRAMITĀ

### 13. Suvaṇṇasāmacariyaṃ

351. Sāmo yadā vane āsiṃ sakkena abhinimmito  
pavane sīhabyagghēhiva mettāya-m-upanāmayiṃ.
352. Sīhabyagghēhi dīpīhi acchehi mahisehi<sup>1</sup> ca  
pasadamigavarāhehi parivāretvā vane vasiṃ.
353. Na maṃ koci uttasati, napihaṃ bhāyāmi kassaci,  
mettābalenupatathaddho ramāmi pavane tadāti.

Suvaṇṇasāmacariyaṃ terasamaṃ.

### 14. Ekarājacariyaṃ

354. Punāparaṃ yadā homi ekarājāti vissuto  
paramaṃ silaṃ adhiṭṭhāya<sup>2</sup> pasāsāmi mahāmahīṃ.
355. Dasakusalakammaṃpathe vattāmi anavasesato  
catūhi saṅgahavattūhi saṅgaṇhāmi<sup>3</sup> mahājanaṃ.
356. Evaṃ me appamattassa idhaloke parattha ca  
dabbaseno upāgantvā acchindanto puraṃ mamaṃ.<sup>4</sup>
357. Rājūpajīve nigame sabalaṭṭhe saraṭṭhake.<sup>5</sup>  
sabbamaṃ hatthagataṃ katvā kāsuyaṃ nikhaṇī mamaṃ.
358. Amaccamaṇḍalaṃ rajjaṃ phītaṃ antepuraṃ mama  
acchinditvāna gahitaṃ piyaṃ puttaṃva passahaṃ  
mettāya me samo natthi esā me mettāpāramīti.

Ekarājacariyaṃ cuddasamaṃ.

Mettā pāramitā niṭṭhitā.

---

1 mahiṃsehi ca - Machasaṃ.

2 paramaṃsila madhiṭṭhāya - Nā;  
paramasīlaṃ adhiṭṭhāya - Sīmu.

3 saṅgahāmi - Machasaṃ.

4 puraṃ mama - Sīmu.

5 saralaṭṭhake - Nā.

## VI. SỰ TOÀN HẢO VỀ TỪ ÁI:

### 13. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Suvanṇasāma:<sup>1</sup>

351. Vào lúc ta là Sāma ở trong khu rừng đã được (Chúa Trời) Sakka hóa hiện ra. Ở trong khu rừng lớn, ta đã rải tâm từ ái đến các loài sư tử và cọp.

352. Ta đã sống ở trong khu rừng, được quây quần xung quanh bởi các loài sư tử, cọp, beo, gấu, trâu rừng, nai đốm, và heo rừng.

353. Không loài thú nào e ngại ta, ta cũng không sợ hãi loài thú nào. Lúc bấy giờ, được duy trì nhờ vào năng lực từ ái, ta húng thú ở trong khu rừng lớn.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Suvanṇasāma là phần thứ mười ba.

### 14. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Ekarāja:<sup>2</sup>

354. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta được nổi tiếng (với tên) là Ekarāja. Ta đã phát nguyện về giới hạnh tối cao và đã cai quản trái đất to lớn.<sup>3</sup>

355. Ta đã thực hành về thập thiện nghiệp đạo không thiếu sót. Ta đã thấu phục đám đông dân chúng bằng bốn phép tiếp độ.

356. Trong lúc ta đang tinh tấn như thế vì lợi ích ở đời này và thế giới khác, Dabbasena<sup>4</sup> đã tiến đến chiếm cứ thành phố của ta.

357. Sau khi thực hiện việc thấu tóm tất cả gồm có nhân sự của đức vua, các thị dân, cùng với quân đội, và các cư dân của xứ sở, (vị ấy) đã chôn ta ở trong cái hố.

358. (Vị ấy) đã chiếm đoạt quần thần, vương quốc thịnh vượng, và hậu cung của ta. Ta đã nhìn thấy chính đứa con trai yêu dấu đang bị bắt đi. Không có ai bằng (ta) về từ ái, điều này là sự toàn hảo về từ ái của ta.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Ekarāja là phần thứ mười bốn.

Dứt sự toàn hảo về từ ái.

---

1. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 540.

2. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 303.

3. Đã cai quản vùng đất rộng lớn ở vương quốc Kāsi ba trăm do-tuần, CpA. 264.

4. Dabbasena là đức vua xứ Kosala, CpA. 264.

## VII. UPEKKHĀPĀRAMITĀ

### 15. Mahālomahaṃsacariyaṃ

359. Susāne seyyaṃ kappemi chavaṭṭhikaṃ upanidhāya 'haṃ<sup>1</sup>  
gomaṇḍalā<sup>2</sup> upāgantvā rūpaṃ dassenti nappakaṃ.<sup>3</sup>
360. Apare gandhañca mālañca<sup>4</sup> bhojanaṃ vividhaṃ bahuṃ  
upāyanānyupanenti haṭṭhā saṃviggamānasā.
361. Ye me dukkhaṃ upadahanti ye ca denti sukhaṃ mama  
sabbesaṃ samako homi dayākopo<sup>5</sup> na vijjati.
362. Sukhadukkhatulā bhūto yasesu ayasesu ca  
sabbattha samako homi esā me upekkhā pāramīti.

Mahālomahaṃsacariyaṃ paṇṇarasamaṃ.

Upekkhā pāramitā niṭṭhitā.

--ooOoo--

### UDDĀNA GĀTHĀ

363. Yudhañjayo somanasso ayoghara bhisenaca  
soṇanando<sup>6</sup> mūgapakkho kapirājā<sup>7</sup> saccasavhayo.
364. Vaṭṭako maccharājā ca kaṇhadīpāyano isi  
sutasomo puna āsiṃ sāmoca ekarājahu  
upekkhā pāramī āsi iti vuttaṃ mahesinā.
365. Evaṃ bahuviddhiṃ dukkhaṃ sampatti ca<sup>8</sup> bahuviddhā<sup>9</sup>  
bhavā bhava anubhavitvā patto sambodhimuttamaṃ.
366. Datvā dātābbaṃ dānaṃ sīlaṃ pūretvā asesato  
nekkhamme<sup>10</sup> pāramiṃ gantvā patto sambodhimuttamaṃ.

---

1. upanidhā - Machasaṃ;  
javaṭṭhiṃ upadhāyahaṃ gāmaṇḍalā -  
Machasaṃ.  
2. upaganatvā - nāMachasaṃ.  
3. dassenta nappaka - Pa.  
4. gandhamāla bhūca - Machasaṃ.

5. dayakopo - Nā.  
6. soṇadaṇḍo - Nā.  
7. kapirāja - Nā.  
8. sampattiṃca - Machasaṃ.  
9. bahuviddhaṃ - Machasaṃ, katthaci.  
10. nekkhamma - Machasaṃ.

## VI. SỰ TOÀN HẢO VỀ HÀNH XÁ:

### 15. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Mahālomahaṃsa:<sup>1</sup>

359. Ta nằm ở trong bãi tha ma tựa vào bộ xương người chết. Đám trẻ con nhà quê đã đi đến và đã phô diễn hình thức (khuấy rối) không phải là ít.

360. Các đứa khác mừng rỡ, với tâm trí phẫn chấn, mang lại các quà tặng là hương thơm, vòng hoa, và vô số thực phẩm các loại.

361. Ta đều bình đẳng đối với tất cả những ai gây ra khổ đau cho ta cũng như những ai đem lại cho ta an lạc; thương và giận đều không được biết đến.

362. Là thăng bằng giữa an lạc và khổ đau, giữa các danh thơm và những tiếng xấu, ta đều bình đẳng trong mọi trường hợp; điều này là sự toàn hảo về hành xá của ta.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahālomahaṃsa là phần thứ mười lăm.

Dứt sự toàn hảo về hành xá.

--ooOoo--

### BÀI KỆ TÓM TẮT:

363. Chuyện Yudhañjaya, chuyện Somanassa, chuyện Ayoghara (ngôi nhà sắt), và chuyện Bhisā, chuyện Soṇa và Nanda, chuyện Mūgapakka (Temiya), chuyện con khỉ chúa, và chuyện vị (đạo sĩ) tên Sacca.

364. Chuyện chim cút con, và chuyện vua cá, chuyện ẩn sĩ Kaṇhadīpāyana, lại nữa ta đã là Sutasoma, Sāma, và Ekarājā, và đã có sự toàn hảo về hành xá; như thế đã được thuyết giảng bởi vị Đại Ẩn Sĩ.

365. Sau khi kinh nghiệm khổ đau dưới nhiều hình thức và thành công với nhiều thể loại ở lần tái sinh này đến lần tái sinh khác như thế, ta đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng.

366. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đạt đến sự toàn hảo về xuất ly, ta đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng.

---

1. Có thể liên quan đến Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 94.

367. Paṇḍite paripucchitvā viriyaṃ katvāna muttamaṃ.<sup>1</sup>  
khantiyā pāramiṃ gantvā patto sambodhi muttamaṃ.
368. Katvā daḥhamadhiṭṭhānaṃ saccavānuranakkhiya<sup>2</sup>  
mettāya pāramiṃ gantvā patto sambodhimuttamaṃ.
369. Lābhālābhe yasāyase sammānanāvamaṇane  
sabbattha samako hutvā patto sambādhi muttamaṃ.
370. Kosajjaṃ bhayato disvā viriyārambhañca khemato  
āraddhaviriyā hotha esā buddhānusāsani.<sup>3</sup>
371. Vivādaṃ bhayato disvā avivādañca khemato  
samaggā sakhilā hotha esā buddhānusāsani.<sup>4</sup>

Yudhañjayavaggo tatiyo.

--ooOoo--

Itthaṃ sudaṃ bhagavā attano pubbacariyaṃ sambhāvayamāno  
buddhāpadāniyaṃ nāma dhammapariyāyaṃ abhāsittāti.

Cariyāpiṭakapāḷi samattā.<sup>5</sup>

--ooOoo--

1. uttamaṃ - Sīmu.

2. rakkhiyā - Nā.

3. buddhāna sāsani-aṭṭha - Sīmu.

4. buddhānasāsani-aṭṭha - Sīmu.

5. cariyā piṭakaṃ niṭṭhataṃ - katthaci.



367. Sau khi đã vấn hỏi các bậc hiền trí, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về nhân nại, ta đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng.

368. Sau khi đã thực hành sự quyết định vững chắc, sau khi đã hộ trì lời nói chân thật, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về từ ái, ta đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng.

369. Đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với danh thơm và tiếng xấu, đối với sự kính trọng và chê bai, sau khi đã là bình đẳng trong mọi trường hợp, ta đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng.

370. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và việc khởi sự tinh tấn là an toàn, hãy nỗ lực tinh tấn; đây là lời giáo huấn của chư Phật.

371. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, hãy hợp nhất, thân thiện; đây là lời giáo huấn của chư Phật.

372. Sau khi thấy được sự dễ duôi là nguy hiểm và sự không dễ duôi là an toàn, hãy tu tập đạo lộ tám chi phần; đây là lời giáo huấn của chư Phật.<sup>1</sup>

Phẩm Yudhañjaya là thứ ba.

--ooOoo--

Ở đây, trong khi trình bày về phẩm hạnh quá khứ của bản thân, đức Thế Tôn đã thuyết giảng về bản thể của Giáo Pháp có tên là *Buddhāpadāniyaṃ*.<sup>2</sup>

Hạnh Tạng được đây đủ.

--ooOoo--

---

1. Câu kệ 372 không có ở Tạng Tích Lan, nhưng được thấy ở Tạng Thái, Miến Điện, Anh:

*Pamādaṃ bhayaṭo disvā, appamādañca khemato  
bhāvetthaṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ esā buddhānusāsanī.*

2. *Buddhāpadāniyaṃ* là đề tài được thuyết giảng, là đề tài được trình bày có liên quan đến công hạnh khó làm thuộc thời xa xưa nghĩa là việc làm quá khứ của chư Phật, CpA. 335.